

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
đã được kiểm toán

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kiểm toán	5 – 6
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	7 – 28
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 – 13
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	14 – 28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0303000149 ngày 18 tháng 3 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 09 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty là **111.000.000.000 đồng**.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm:

- Sản xuất kinh doanh các loại cáp, vật liệu viễn thông và các loại cáp vật liệu điện dân dụng.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 28).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Hoàng Tuấn	Chủ tịch	
Ông Tetsuji Nagata	Ủy viên	
Ông Trần Tùng Lâm	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 30/5/2011
Ông Trịnh Văn Quảng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 01/12/2011

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Bà Âu Thiên Hương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/12/2011
Bà Âu Thiên Hương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/6/2011 và miễn nhiệm ngày 09/12/2011
Ông Bùi Hoàng Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30/5/2011 và miễn nhiệm ngày 09/12/2011
Ông Trịnh Văn Quảng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/6/2011 và miễn nhiệm ngày 01/12/2011
Ông Trần Tùng Lâm	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 30/5/2011
Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 09/02/2012
Bà Lê Thị Thúy Hương	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 28/11/2011 và miễn nhiệm ngày 09/02/2012
Bà Phan Anh Thu	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 28/11/2011

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2012

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Âu Thiên Hương

Số :/2012/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
của Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long được lập ngày 27 tháng 3 năm 2012 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính với ý kiến ngoại trừ về việc năm 2010, Công ty chưa thực hiện trích khấu hao tài sản cố định của phân xưởng cáp điện viễn thông thuộc Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long (Công ty con) đã ngừng hoạt động số tiền 4.544.199.969 đồng.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính riêng; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến kiểm toán.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của kiểm toán viên

- Công ty đã ghi nhận chi phí khấu hao trích thiếu năm 2010 của phân xưởng cáp điện viễn thông thuộc Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long vào Báo cáo tài chính năm 2011 số tiền 4.544.199.969 đồng thay vì điều chỉnh hồi tố vào Báo cáo tài chính năm 2010. Nếu thực hiện điều chỉnh hồi tố khoản chi phí khấu hao nêu trên thì “Chi phí khác” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2011 giảm đi và năm 2010 tăng lên số tiền 4.544.199.969 đồng. Theo đó, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011 tăng lên và năm 2010 giảm đi tương ứng là 4.544.199.969 đồng. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 không thay đổi.
- Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, chúng tôi chưa được cung cấp Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Phân xưởng sản xuất cáp quang là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty TNHH Cấp Thăng Long (nay là Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long) theo hợp đồng hợp tác đầu tư Phân xưởng sản xuất Cáp quang số 02/TLT-SAM ngày 02 tháng 05 năm 2007 giữa Công ty TNHH Cấp Thăng Long và Công ty Cổ phần Cấp và Vật liệu Viễn thông SACOM (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom) cũng như Biên bản phân chia lãi lỗ từ hoạt động đầu tư. Do đó, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 trên báo cáo tài chính hợp nhất này đang bao gồm cả phần lỗ chưa phân chia cho các bên tham gia góp vốn đầu tư. Theo báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 02 tháng 05 năm 2007 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 của phân xưởng cáp quang đã được kiểm toán thì lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 30 tháng 6 năm 2011 lỗ là 12.728.512.347 đồng. Nếu khoản lỗ này được chia cho các bên tham gia góp vốn theo tỷ lệ vốn góp thì “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 tăng lên 8.400.818.149 đồng và “Phải trả dài hạn khác” giảm đi một khoản tương ứng.

Báo cáo kiểm toán (tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Ngoài ra, chúng tôi muốn lưu ý với người đọc Báo cáo tài chính rằng:

Tài sản cố định là nhà cửa vật kiến trúc và máy móc thiết bị của nhà máy sản xuất cáp điện viễn thông và nhà máy sản xuất cáp quang có nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 lần lượt là 146.211.702.240 đồng và 101.742.851.386 đồng đã ngừng hoạt động và hiện không còn phát huy hiệu quả.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2012

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt
Phó Giám đốc**

Kiểm toán viên

Bùi Ngọc Hà
Chứng chỉ KTV số: 0662/KTV

Bùi Thị Ngọc Lan
Chứng chỉ KTV số: 0300/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		26.497.483.966	59.124.458.559
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		833.966.066	1.886.584.688
1.	Tiền	111	V.01	833.966.066	1.886.584.688
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.296.067.263	19.879.070.948
1.	Phải thu khách hàng	131		3.707.827.566	13.658.354.479
2.	Trả trước cho người bán	132		4.359.801.079	5.848.226.242
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.02	4.084.281.087	3.720.441.852
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(4.855.842.469)	(3.347.951.625)
IV.	Hàng tồn kho	140		16.580.725.234	34.347.657.227
1.	Hàng tồn kho	141	V.03	23.163.126.671	34.347.657.227
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(6.582.401.437)	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		1.786.725.403	3.011.145.696
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		41.205.223	23.220.000
2	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		514.448.611	1.235.395.673
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.04	163.581.600	163.581.600
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		1.067.489.969	1.588.948.423

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THẮNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		116.219.846.464	132.967.195.755
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		115.727.776.891	131.687.375.461
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	105.651.871.842	119.116.648.294
	- Nguyên giá	222		153.199.941.641	154.960.590.636
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(47.548.069.799)	(35.843.942.342)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.06	10.075.905.049	10.288.839.335
	- Nguyên giá	228		11.165.504.331	11.138.269.345
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.089.599.282)	(849.430.010)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	-	2.281.887.832
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	10.000.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	10.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		492.069.573	1.269.820.294
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	492.069.573	1.269.820.294
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI.	Lợi thế thương mại	269		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		142.717.330.430	192.091.654.314

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		39.811.237.567	53.274.602.694
I.	Nợ ngắn hạn	310		21.238.973.567	33.253.580.194
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	4.544.302.841	13.407.504.445
2.	Phải trả người bán	312		7.938.522.432	14.654.079.473
3.	Người mua trả tiền trước	313		4.470.303.082	759.162.649
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	33.502.087	624.289.785
5.	Phải trả người lao động	315		332.889.000	265.528.700
6.	Chi phí phải trả	316	V.11	70.000.000	31.410.272
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	3.636.471.244	3.270.408.725
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		212.982.881	241.196.145
II.	Nợ dài hạn	330		18.572.264.000	20.021.022.500
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333	V.13	18.572.264.000	18.822.264.000
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.14	-	1.173.784.000
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	24.974.500
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		102.906.092.863	138.814.159.709
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.15	102.906.092.863	138.814.159.709
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		111.000.000.000	111.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		91.000.000.000	91.000.000.000
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		11.718.534.049	11.718.534.049
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(110.812.441.186)	(74.904.374.340)
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C.	LỢI ÍCH CÔ ĐỒNG THIỂU SỐ	439	V.16	-	2.891.911
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		142.717.330.430	192.091.654.314

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

*Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2012***Người lập biểu****Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc****Phạm Phúc Mạnh****Nguyễn Thị Ánh Tuyết****Âu Thiên Hương**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	65.182.714.983	201.664.865.286
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	1.453.259.119	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	63.729.455.864	201.664.865.286
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	78.439.770.568	216.460.604.845
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(14.710.314.704)	(14.795.739.559)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	47.518.846	55.350.689
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	2.296.736.884	4.734.612.479
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.757.402.371</i>	<i>3.527.419.879</i>
8. Chi phí bán hàng	24		711.304.018	2.490.433.353
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.759.991.769	8.563.686.548
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(22.430.828.529)	(30.529.121.250)
11. Thu nhập khác	31	VI.07	360.581.874	1.422.221.504
12. Chi phí khác	32	VI.08	13.840.712.102	1.314.405.423
13. Lợi nhuận khác	40		(13.480.130.228)	107.816.081
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(35.910.958.757)	(30.421.305.169)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(35.910.958.757)	(30.421.305.169)
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(2.891.911)	(7.108.089)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		(35.908.066.846)	(30.414.197.080)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.15	(3.235)	(3.035)

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Phúc Mạnh

Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Âu Thiên Hương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		(35.910.958.757)	(30.421.305.169)
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		12.537.007.825	5.686.133.581
-	Các khoản dự phòng	03		8.090.292.281	3.347.951.625
-	Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		468.251.428	-
-	Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(63.388.975)	(95.478.290)
-	Chi phí lãi vay	06		1.757.402.371	3.527.419.879
3.	Lợi nhuận (lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		(13.121.393.827)	(17.955.278.374)
-	Tăng giảm các khoản phải thu	09		13.577.585.165	(3.449.828.861)
-	Tăng giảm hàng tồn kho	10		11.184.530.556	6.311.350.162
-	Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(1.392.199.032)	2.126.316.600
-	Tăng giảm chi phí trả trước	12		759.765.498	988.563.491
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(1.757.402.371)	(2.540.165.479)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9.250.885.989	(14.519.042.461)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(577.827.690)	(243.888.353)
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		259.788.000	816.000.000
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.000.000	-
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		41.520.683	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(266.519.007)	572.111.647

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	11.000.000.000
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		9.159.529.046	47.323.976.632
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(19.196.514.650)	(44.540.266.438)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.036.985.604)	13.783.710.194
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.052.618.622)	(163.220.620)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.886.584.688	2.049.805.308
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		833.966.066	1.886.584.688

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Phúc Mạnh

Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Âu Thiên Hương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm:

- Sản xuất kinh doanh các loại cáp, vật liệu viễn thông và các loại cáp vật liệu điện dân dụng.

Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, một số ngành nghề được cấp phép nhưng trong kỳ kế toán chưa phát sinh tại Công ty bao gồm:

- Thiết kế vô tuyến điện đối với công trình thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông;
- Xây dựng các công trình dân dụng, lắp đặt công trình viễn thông;
- Sản xuất sản phẩm dây đồng, sản phẩm ống nhựa các loại;
- Xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, sản phẩm cáp chuyên ngành viễn thông và vật liệu điện dân dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

04. Thông tin về Công ty con

Tên và địa chỉ Công ty con	Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (VND)	Tỷ lệ góp vốn thực tế và quyền biểu quyết của Công ty mẹ tại ngày cuối năm			
		Vốn thực góp của Công ty con (VND)	Vốn đầu tư của Công ty mẹ tại Công ty con (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
<i>Công Ty Cổ phần Cáp Thăng Long</i> Đường B1, khu B, khu Công nghiệp phố Nội A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.	20.010.000.000	20.010.000.000	20.000.000.000	99,99%	99,99%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

02. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Các Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

03. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm kế toán.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc thiết bị	6 – 15 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	8 năm
- Phần mềm máy tính	5 năm

06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng phân bổ cho nhiều năm tài chính;
- Chi phí khác.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THẮNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT*Đơn vị tính: VND***01. Tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	34.204.447	15.712.616
- Tiền gửi ngân hàng	799.761.619	1.870.872.072
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	<u>833.966.066</u>	<u>1.886.584.688</u>

02. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu khác	4.084.281.087	3.720.441.852
Cộng	<u>4.084.281.087</u>	<u>3.720.441.852</u>

03. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	8.661.007.983	26.820.344.396
- Công cụ, dụng cụ	371.032.994	358.361.161
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.519.240.505	-
- Thành phẩm	3.314.147.772	6.575.561.711
- Hàng hoá	8.297.697.417	60.931.600
- Hàng gửi đi bán	-	532.458.359
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	<u>23.163.126.671</u>	<u>34.347.657.227</u>

04. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế GTGT đầu ra nộp thừa	-	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt nộp thừa	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu nộp thừa	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	163.581.600	163.581.600
Cộng	<u>163.581.600</u>	<u>163.581.600</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>43.179.206.895</i>	<i>104.220.455.496</i>	<i>1.911.504.182</i>	<i>5.352.795.492</i>	<i>296.628.571</i>	<i>154.960.590.636</i>
- Mua trong năm	-	577.827.690	-	-	-	577.827.690
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(830.630.804)	-	-	(830.630.804)
- Giảm khác	-	(1.507.845.881)	-	-	-	(1.507.845.881)
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>43.179.206.895</i>	<i>103.290.437.305</i>	<i>1.080.873.378</i>	<i>5.352.795.492</i>	<i>296.628.571</i>	<i>153.199.941.641</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>2.758.884.403</i>	<i>29.986.925.447</i>	<i>1.029.247.894</i>	<i>1.920.570.310</i>	<i>148.314.288</i>	<i>35.843.942.342</i>
- Khấu hao trong năm	899.579.652	10.875.146.337	161.431.414	301.355.430	59.325.720	12.296.838.553
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(592.711.096)	-	-	(592.711.096)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>3.658.464.055</i>	<i>40.862.071.784</i>	<i>597.968.212</i>	<i>2.221.925.740</i>	<i>207.640.008</i>	<i>47.548.069.799</i>
III. Giá trị còn lại						
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>40.420.322.492</i>	<i>74.233.530.049</i>	<i>882.256.288</i>	<i>3.432.225.182</i>	<i>148.314.283</i>	<i>119.116.648.294</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>39.520.742.840</i>	<i>62.428.365.521</i>	<i>482.905.166</i>	<i>3.130.869.752</i>	<i>88.988.563</i>	<i>105.651.871.842</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THẮNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
Số dư đầu năm	11.098.269.345	40.000.000	11.138.269.345
- Mua trong năm	-	27.234.986	27.234.986
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	11.098.269.345	67.234.986	11.165.504.331
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	841.430.012	7.999.998	849.430.010
- Khấu hao trong năm	226.495.296	13.673.976	240.169.272
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	1.067.925.308	21.673.974	1.089.599.282
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	10.256.839.333	32.000.002	10.288.839.335
2. Tại ngày cuối năm	10.030.344.037	45.561.012	10.075.905.049

07. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bao gồm các công trình:		
- Chi phí lắp đặt chạy thử phân xưởng điện	-	2.260.307.832
- Chi phí lắp đặt chạy thử phân xưởng quang	-	21.580.000
Cộng	-	2.281.887.832

08. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng	286.071.667	618.764.556
- Chi phí sửa chữa tài sản	82.981.568	325.383.905
- Chi phí trả trước dài hạn khác	123.016.338	325.671.833
Cộng	492.069.573	1.269.820.294

09. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vay ngắn hạn	4.544.302.841	13.407.504.445
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	4.544.302.841	13.407.504.445
- Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	4.544.302.841	13.407.504.445

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng	-	537.926.108
- Thuế thu nhập cá nhân	33.502.087	86.363.677
Cộng	33.502.087	624.289.785

11. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Lãi vay phải trả	-	-
- Chi phí khác	70.000.000	31.410.272
Cộng	70.000.000	31.410.272

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	22.753.550
- Kinh phí công đoàn	41.073.720	58.514.043
- Bảo hiểm xã hội	20.119.128	1.903.500
- Bảo hiểm y tế	-	639.000
- Bảo hiểm thất nghiệp	313.512	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	230.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.344.964.884	3.186.598.632
+ <i>Phải trả cổ tức</i>	3.002.982.836	3.002.982.836
+ <i>Phải trả khác</i>	341.982.048	183.615.796
Cộng	3.636.471.244	3.270.408.725

13. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhận vốn góp của hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	18.572.264.000	18.572.264.000
- Phải trả dài hạn khác	-	250.000.000
Cộng	18.572.264.000	18.822.264.000

(*) Đây là khoản nhận vốn góp của Phân xưởng sản xuất cáp quang là đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty TNHH Cáp Thăng Long (nay là Công ty Cổ phần Cáp Thăng Long) theo hợp đồng hợp tác đầu tư Phân xưởng sản xuất Cáp quang số 02/TLT-SAM ngày 02 tháng 05 năm 2007 giữa Công ty TNHH Cáp Thăng Long và Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Viễn thông SACOM (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom). Trong đó, tỷ lệ vốn góp của các đối tác là 66%, tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần cáp Thăng Long là 34%.

14. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- <i>Vay dài hạn</i>	-	1.173.784.000
- Vay ngân hàng	-	1.173.784.000
+ <i>Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam</i>	-	1.173.784.000
- <i>Nợ dài hạn</i>	-	-
Cộng	-	1.173.784.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	91.000.000.000	11.718.534.049	(48.158.994.535)	154.559.539.514
- Tăng vốn trong năm trước	11.000.000.000	-	-	-	11.000.000.000
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	3.668.817.275	3.668.817.275
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	(30.414.197.080)	(30.414.197.080)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	111.000.000.000	91.000.000.000	11.718.534.049	(74.904.374.340)	138.814.159.709
Số dư đầu năm nay					
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	(35.908.066.846)	(35.908.066.846)
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	111.000.000.000	91.000.000.000	11.718.534.049	(110.812.441.186)	102.906.092.863

(*) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 đang bao gồm cả lỗ từ hợp đồng hợp tác đầu tư để sản xuất cáp quang. Lỗ của hoạt động sản xuất cáp quang đến 30 tháng 6 năm 2011 là 12.728.512.347 đồng, trong đó, lỗ phân chia cho các đối tác tham gia góp vốn đầu tư là 8.400.818.149 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THẮNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	111.000.000.000	111.000.000.000
Cộng	<u>111.000.000.000</u>	<u>111.000.000.000</u>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	111.000.000.000	100.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	11.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	111.000.000.000	111.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.100.000	11.100.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.100.000	11.100.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.100.000	11.100.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.100.000	11.100.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.100.000</i>	<i>11.100.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	11.718.534.049	11.718.534.049
- Quỹ dự phòng tài chính	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
Cộng	<u>11.718.534.049</u>	<u>11.718.534.049</u>

g. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(35.908.066.846)	(30.414.197.080)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(35.908.066.846)	(30.414.197.080)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.100.000	10.021.111
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(3.235)	(3.035)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

16. Lợi ích của cổ đông thiểu số

	Báo cáo của Công ty con	Phần lợi ích của Cổ đông thiểu số	Phần lợi ích của Công ty mẹ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20.010.000.000	10.000.000	20.000.000.000
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(58.689.816.269)	(10.000.000)	(58.679.816.269)
Cộng	(38.679.816.269)	-	(38.679.816.269)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	28.746.711.442	28.899.712.625
- Doanh thu bán thành phẩm	36.052.300.923	172.765.152.661
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	383.702.618	-
Cộng	65.182.714.983	201.664.865.286

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	1.453.259.119	-
Cộng	1.453.259.119	-

03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	28.746.711.442	28.899.712.625
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	34.599.041.804	172.765.152.661
- Doanh thu thuần dịch vụ	383.702.618	-
Cộng	63.729.455.864	201.664.865.286

04. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	34.708.681.499	33.260.284.150
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	36.957.557.498	183.200.320.695
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	191.130.134	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	6.582.401.437	-
Cộng	78.439.770.568	216.460.604.845

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THẮNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND***05. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	41.520.683	52.832.966
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.998.163	2.376.722
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	141.001
Cộng	<u>47.518.846</u>	<u>55.350.689</u>

06. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	1.757.402.371	3.527.419.879
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	71.083.085	1.046.484.504
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	468.251.428	155.111.916
- Chi phí tài chính khác	-	5.596.180
Cộng	<u>2.296.736.884</u>	<u>4.734.612.479</u>

07. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu từ thanh lý tài sản cố định	259.788.000	1.378.181.818
- Thu khác	100.793.874	44.039.686
Cộng	<u>360.581.874</u>	<u>1.422.221.504</u>

08. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	237.919.708	1.282.703.528
- Khấu hao tài sản cố định dừng hoạt động	10.536.339.727	-
- Chi phí khác	3.066.452.667	31.701.895
Cộng	<u>13.840.712.102</u>	<u>1.314.405.423</u>

09. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.338.668.663	
- Chi phí nhân công	6.427.929.735	
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.000.668.098	Không áp dụng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.921.415.750	
- Chi phí khác bằng tiền	3.189.127.739	
Cộng	<u>41.877.809.985</u>	

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Không có thông tin.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Thông tin về các bên liên quan

1.1. Các bên liên quan có mối quan hệ kinh doanh với Công ty trong năm bao gồm:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện	Là cổ đông chiếm 9,01% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long
	Ông Bùi Hoàng Tuấn là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện.

1.2. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu trong năm như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Số tiền (VND)</i>
Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện	Bán hàng hóa	58.752.000
	Mua hàng hóa	9.569.298.037

1.3. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, số dư công nợ của Công ty với các bên liên quan như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Khoản mục</i>	<i>Số tiền (VND)</i>
Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện	Phải thu khách hàng	10.454.125
	Trả trước cho người bán	3.696.432

02. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính là: Sản xuất kinh doanh các loại cáp, vật liệu viễn thông và các loại cáp vật liệu điện dân dụng.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND*

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực thương mại	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	34.982.744.422	28.746.711.442	63.729.455.864
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
Chi phí phân bổ	46.058.243.290	40.102.041.103	86.160.284.393
Lợi nhuận từ hoạt động KD	(11.075.498.868)	(11.355.329.661)	(22.430.828.529)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và tài sản dài hạn khác	12.784.786.898	-	12.784.786.898
Số dư cuối năm			
Tài sản bộ phận	130.085.254.440	11.798.109.924	141.883.364.364
Tài sản không phân bổ			833.966.066
Tổng tài sản	130.085.254.440	11.798.109.924	142.717.330.430
Nợ phải trả bộ phận	17.085.365.447	14.039.723.826	31.125.089.273
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	8.686.148.294
Tổng nợ phải trả	17.085.365.447	14.039.723.826	39.811.237.567

03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	833.966.066	1.886.584.688	833.966.066	1.886.584.688
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	-	-	-	-
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	7.792.108.653	17.378.796.331	2.936.266.184	14.030.844.706
Cộng	8.626.074.719	19.265.381.019	3.770.232.250	15.917.429.394
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	7.938.522.432	14.654.079.473	7.938.522.432	14.654.079.473
Vay và nợ	4.544.302.841	14.581.288.445	4.544.302.841	14.581.288.445
Các khoản phải trả khác	3.706.471.244	3.301.818.997	3.706.471.244	3.301.818.997
Cộng	16.189.296.517	32.537.186.915	16.189.296.517	32.537.186.915

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

04. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính.

05. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

06. Những thông tin khác

Theo nghị quyết Hội đồng Quản trị số 23.11/2011/NQ-HĐQT ngày 23 tháng 11 năm 2011, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long đã thống nhất tái cơ cấu tài sản và nguồn vốn năm 2012. Trong đó, lên phương án thanh lý các tài sản không sinh lời cụ thể:

- Tại nhà máy cáp Thăng Long – Khu công nghiệp phố Núi A: Hợp đồng hợp tác đầu tư dây truyền sản xuất cáp quang, dây truyền sản xuất ống nhựa với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển SAMCO, Công ty Cổ phần bao bì và dịch vụ Sam Thịnh, Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú, Công ty Cổ phần vật liệu điện và viễn thông Sam Cường và dây truyền sản xuất cáp đồng điện lực.
- Tại Nhà máy Dương Nội: Dây truyền sản xuất cáp đồng viễn thông.

Hiện tại công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long đang làm các thủ tục pháp lý cho việc thực hiện thanh lý các tài sản không sinh lời trên.

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Phúc Mạnh

Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Âu Thiên Hương